



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2017

Đà Nẵng, tháng 01 năm 2018

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2017)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2017)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.073.763.717.657	1.062.381.867.374
I. Tiền	110		30.218.218.837	32.184.925.593
1 . Tiền	111	V.1	28.968.218.837	32.064.925.593
2 . Các khoản tương đương tiền	112		1.250.000.000	120.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.191.267.129	45.008.032.865
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	14.191.267.129	45.008.032.865
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		295.759.777.028	360.666.595.307
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	251.265.968.149	330.449.913.201
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		32.720.608.942	27.054.285.904
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		806.400.000	718.800.000
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	12.073.811.314	3.723.320.551
4 . Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(1.107.011.377)	(1.279.724.349)
IV. Hàng tồn kho	140		665.119.719.713	560.129.018.788
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	665.316.767.423	560.129.018.788
a . Hàng mua đang đi đường			63.150.243.596	74.821.368.723
b . Nguyên liệu vật liệu tồn kho	142		202.050.917.583	161.107.014.246
c . Công cụ dụng cụ trong kho	143		157.397.654	563.220.887
d . Chi phí SXKD dở dang	144		215.460.658.430	210.693.565.519
e . Thành phẩm tồn kho	145		91.289.309.379	92.932.426.808
f . Hàng hoá tồn kho	146		1.290.714.613	774.934.648
g . Hàng gửi đi bán	147		91.917.526.168	19.236.487.957
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(197.047.710)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.474.734.950	64.393.294.821
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	9.513.453.592	8.152.043.881
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	58.904.058.355	56.183.100.183
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	57.223.003	58.150.757

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2017)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2017)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		888.183.518.705	855.063.599.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.269.768.621	1.608.800.000
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.166.700.000	1.608.800.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	2.103.068.621	-
II. Tài sản cố định	220		825.853.348.196	790.276.850.106
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	821.906.832.670	786.082.476.684
- Nguyên giá	222		1.553.576.955.416	1.394.364.500.861
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(731.670.122.746)	(608.282.024.177)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	3.946.515.526	4.194.373.422
- Nguyên giá	228		10.558.944.973	9.603.617.724
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.612.429.447)	(5.409.244.302)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.755.315.260	33.472.034.902
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	23.755.315.260	33.472.034.902
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	6.334.466.502	3.060.702.000
1 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	9.355.702.000
2 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.326.235.498)	(6.300.000.000)
3 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.905.000.000	5.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.9	28.970.620.126	26.645.212.130
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261		28.480.316.691	23.144.890.937
2 . Lợi thế thương mại	269		490.303.435	3.500.321.193
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.961.947.236.362	1.917.445.466.512

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2017)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2017)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.524.307.718.517	1.562.189.459.545
I. Nợ ngắn hạn	310		1.027.557.568.408	1.040.409.034.848
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	206.006.533.361	221.080.883.475
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.388.595.919	3.634.719.891
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	9.491.556.093	8.320.255.899
4 . Phải trả người lao động	314		129.979.329.115	124.578.774.786
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	9.556.380.587	13.265.872.535
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	20.245.601.711	17.116.926.838
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	598.036.353.606	619.135.048.249
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	45.853.218.016	33.276.553.175
II. Nợ dài hạn	330		496.750.150.109	521.780.424.697
1 . Phải trả người bán dài hạn	331	V.10	-	1.529.133.000
2 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		19.029.246.445	21.942.000.000
3 . Chi phí phải trả dài hạn	333		-	2.496.175.823
4 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	V.14	477.720.903.664	495.813.115.874
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		437.639.517.845	355.256.006.967
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	437.639.517.845	355.256.006.967
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.000.000.000	165.375.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	165.375.000.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		84.867.338.095	74.160.475.589
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.493.537.178	72.414.835.222
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.618.312.273	(600.687.573)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		79.875.224.905	73.015.522.795
4 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		43.278.642.572	43.305.696.156
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.961.947.236.362	1.917.445.466.512

NGƯỜI LẬP BIỂU

Dặng Thị Oanh Nữ

Dặng Thị Oanh Nữ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Đức Trí

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN

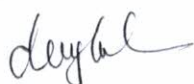
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2017	năm 2016	năm 2017	năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	940.228.096.826	895.472.127.967	3.877.167.148.397	3.198.584.058.946
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		144.820.471	161.721.113	1.617.545.390	591.036.676
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		940.083.276.355	895.310.406.854	3.875.549.603.007	3.197.993.022.270
4. Giá vốn hàng bán	11		838.968.826.116	801.160.045.758	3.530.300.017.159	2.882.241.699.013
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		101.114.450.239	94.150.361.096	345.249.585.848	315.751.323.257
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	5.410.500.296	5.738.467.127	24.629.175.323	21.116.387.907
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	9.982.052.712	25.652.008.148	30.195.970.792	48.914.309.370
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		9.543.192.260	6.374.103.307	38.366.864.673	25.424.116.623
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	277.201.776	-	(304.243.929)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	26.499.396.089	24.545.250.373	116.931.415.496	90.012.637.580
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	30.203.296.881	27.141.244.207	136.129.266.254	119.504.446.749
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			-	-	-	-
[30 = 20+(21 - 22)+24-(25 + 26)]	30		39.840.204.853	22.827.527.271	86.622.108.629	78.132.073.536
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.041.574.033	953.533.302	2.953.512.059	2.676.777.879
13. Chi phí khác	32	VI.7	1.492.730.564	2.335.422.888	3.518.821.254	4.827.821.187
14. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32)	40		(451.156.531)	(1.381.889.586)	(565.309.195)	(2.151.043.308)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40)	50		39.389.048.322	21.445.637.685	86.056.799.434	75.981.030.228
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.667.107.207	1.131.262.886	6.630.789.642	4.736.543.979
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		36.721.941.115	20.314.374.799	79.426.009.792	71.244.486.249
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		34.623.088.259	22.093.703.993	79.875.224.905	75.969.372.121
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.098.852.856	(1.779.329.194)	(449.215.113)	(4.724.885.872)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	3.802	4.704

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Oanh Nữ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Đức Trí

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Kỳ tài chính từ 01/01/201 đến 31/12/2017	Kỳ tài chính từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 .Lợi nhuận trước thuế	01	86.056.799.434	75.981.030.228
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	140.336.227.965	108.854.231.456
- Các khoản dự phòng	03	187.687.000	(1.057.959.851)
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(770.962.216)	13.556.923.016
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.509.887.905)	(618.613.956)
- Chi phí lãi vay	06	38.366.864.673	25.424.116.623
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(19.371.177)	(1.746.455.042)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06)	08	258.647.357.774	220.393.272.474
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	63.042.517.448	(123.005.130.318)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(101.505.792.187)	(120.608.760.436)
- Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(24.934.812.490)	24.102.923.910
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.102.390.992)	(1.412.997.472)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(34.433.912.487)	(22.519.437.384)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.909.792.926)	(4.002.777.925)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	418.419.115	497.971.082
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.732.734.699)	(4.766.646.296)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	148.488.858.556	(31.321.582.365)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Thuy Mã số ết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Kỳ tài chính từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(189.788.567.789)	(358.673.904.011)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	833.818.180	1.027.901.826
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.330.000.000)	(46.631.220.365)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	31.870.500.000	25.660.400.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	351.304.783
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	15.300.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27	2.918.915.162	1.726.092.080
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(144.195.334.447)	(376.539.425.687)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	59.625.000.000	15.875.399.792
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.076.946.263.569	2.917.087.946.407
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.100.305.615.792)	(2.478.018.221.947)
4. Cổ tức, lợi tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(42.596.110.150)	(48.593.115.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.330.462.373)	406.352.009.252
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(2.036.938.264)	(1.508.998.800)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.184.925.593	33.085.486.764
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	70.231.508	608.437.629
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70 V.01	30.218.218.837	32.184.925.593

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trí

Nguyễn Đức Trí

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 64,96% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của Tổng công ty và các công ty con trong toàn tập đoàn, bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần Thời Trang Hòa Thọ
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Quảng Nam
- Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An
- Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Duy Xuyên
- Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây Dựng Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần May Hiệp Đức (*)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Tại ngày 18/08/2017, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đã chuyển nhượng lại toàn bộ số cổ phần của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần May Hiệp Đức, và chính thức hết quyền kiểm soát tại công ty này.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Cơ sở hợp nhất:

1.1. Công ty con:

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

1.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

1.3. Công ty liên kết:

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

1.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết này.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định.

Khấu hao được tính theo phương pháp thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm.
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- 9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:**
- * Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.
 - * Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
 - * Doanh thu hoạt động tài chính được chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.
- 10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:**
- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi 10%
 - Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% x 10% theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007
 - Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ	124.204.263	216.359.868
_ VND	124.204.263	216.359.868
Tiền gửi ngân hàng	28.844.014.574	31.848.565.725
_ VND	7.385.337.752	20.411.613.755
_ USD	21.451.747.696	11.430.552.394
_ EURO	6.929.126	6.399.576
Tương đương tiền	1.250.000.000	120.000.000
Cộng	30.218.218.837	32.184.925.593

2. Các khoản đầu tư tài chính:

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	14.191.267.129	14.191.267.129	45.008.032.865	45.008.032.865
- Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 5 năm	4.905.000.000	4.905.000.000	5.000.000	5.000.000
Cộng	19.096.267.129	19.096.267.129	45.013.032.865	45.013.032.865

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

*** Đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Phú Ninh	8.500.000.000	(8.500.000.000)	8.500.000.000	(8.500.000.000)
Cộng	8.500.000.000	(8.500.000.000)	8.500.000.000	(8.500.000.000)

*** Đầu tư vào đơn vị khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	(26.235.498)	855.702.000	-
Công ty Cổ phần bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt May Phú Hoà An	-	-	1.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng	7.755.702.000	(6.326.235.498)	9.355.702.000	(6.300.000.000)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	522.872.587	52.519.635
Mua hàng hóa và dịch vụ	49.768.940.859	36.628.694.928
Công ty mẹ - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.567.289.268	488.782.995
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.389.867.197	16.294.488.276

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :

	31/12/2017	01/01/2017
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	4.416.632.069	28.222.499.338
<i>HULTAFORS GROUP AB</i>		14.987.740.227
<i>DESTINATION XL GROUP INC</i>	3.440.006.798	34.381.065.180
<i>MOTIVES (FAR EAST) LIMITED</i>	116.161.660.223	76.923.942.212
<i>SUPREME INTERNATIONAL INC</i>	13.391.542.904	33.241.719.128
<i>GAMAL IBRAHIM AHMED AL OKIYA</i>	18.444.018.526	10.058.209.391
<i>Các khách hàng khác</i>	95.412.107.629	132.634.737.725
Tổng cộng	251.265.968.149	330.449.913.201

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2017	01/01/2017
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	83.482.800	70.880.129
Tổng cộng	83.482.800	70.880.129

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Các khoản phải thu khác:**a, Phải thu ngắn hạn khác:**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	1.370.206.254		1.713.945.150	-
Ký cược, ký quỹ	6.395.853.520		80.000.000	
Phải thu khác	4.307.751.540		1.929.375.401	-
- Phải thu tiền BHYT, BHXH, BHTN	344.572.148		270.325.847	-
- Phải thu khác	3.963.179.392		1.659.049.554	-
Cộng	12.073.811.314	-	3.723.320.551	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	2.103.068.621	-	-	-
Cộng	2.103.068.621	-	-	-

5. Hàng tồn kho:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	63.150.243.596		74.821.368.723	
Nguyên vật liệu	202.050.917.583		161.107.014.246	
Công cụ dụng cụ	157.397.654		563.220.887	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	215.460.658.430		210.693.565.519	
Thành phẩm	91.289.309.379	(197.047.710)	92.932.426.808	-
Hàng hóa	1.290.714.613	-	774.934.648	-
Hàng gửi đi bán	91.917.526.168		19.236.487.957	
Cộng	665.316.767.423	(197.047.710)	560.129.018.788	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chi tiêu	Nhóm	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá đầu kỳ trước điều chỉnh		332.996.439.097	913.733.984.930	37.754.105.494	8.128.890.756	74.455.169.562	1.367.068.589.839
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư tại ngày 01/01/2017		340.503.516.501	931.406.819.260	38.826.091.876	8.102.913.975	75.525.159.249	1.394.364.500.861
Mua mới trong năm		2.767.714.951	18.017.873.149	3.747.480.567	457.541.818	1.727.479.119	26.718.089.604
Chuyển từ XD/CB dở dang		45.952.777.671	125.502.666.795	-	-	19.523.196	171.474.967.662
Tăng khác		-	-	-	-	56.253.636	56.253.636
Thanh lý		(83.160.000)	(4.948.444.342)	(452.055.618)	(692.328.178)	-	(6.175.988.138)
Giảm khác do thanh lý công ty con		(18.665.221.396)	(12.238.110.624)	(308.363.636)	(226.693.400)	(1.422.479.153)	(32.860.868.209)
Số dư tại ngày 31/12/2017		370.475.627.727	1.057.740.804.238	41.813.153.189	7.641.434.215	75.905.936.047	1.553.576.955.416
Giá trị đã hao mòn							
Số dư tại ngày 01/01/2017		92.999.631.878	451.012.266.822	24.168.404.913	4.610.185.931	35.491.534.633	608.282.024.177
Khấu hao trong kỳ		20.190.130.519	100.174.325.341	3.987.740.027	1.140.688.322	10.519.199.808	136.012.084.017
Thanh lý		(83.160.000)	(4.861.276.147)	(452.055.618)	(666.249.010)	-	(6.062.740.775)
Giảm khác do thanh lý công ty con		(2.224.392.861)	(3.497.795.067)	(185.018.184)	(40.684.540)	(613.354.021)	(6.561.244.673)
Số dư tại ngày 31/12/2017		110.882.209.536	542.827.520.949	27.519.071.138	5.043.940.703	45.397.380.420	731.670.122.746
Giá trị còn lại							
- Số dư tại ngày 01/01/2017		247.503.884.623	480.394.552.438	14.657.686.963	3.492.728.044	40.033.624.616	786.082.476.684
- Số dư tại ngày 31/12/2017		259.593.418.191	514.913.283.289	14.294.082.051	2.597.493.512	30.508.555.627	821.906.832.670

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 206.463 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

7. Tài sản cố định vô hình:

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2017	9.603.617.724
Tăng trong kỳ	1.041.427.249
Giảm trong kỳ do thanh lý công ty con	86.100.000
Số dư tại ngày 31/12/2017	10.558.944.973
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2017	5.409.244.302
Tăng trong kỳ	1.226.515.739
Giảm trong kỳ do thanh lý công ty con	23.330.594
Số dư tại ngày 31/12/2017	6.612.429.447
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2017	4.194.373.422
Số dư tại ngày 31/12/2017	3.946.515.526

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 3.983 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2017	01/01/2017
+ Chi phí đầu tư nhà điều hành	222.090.908	641.089.289
+ Chi phí dự án mở rộng NMM 1 + nhà hoàn thành MI	-	5.669.589.559
+ Công trình xây dựng nhà xưởng may thời trang		161.363.635
+ Chi phí dự án mở rộng Cty may HT Đông Hà	509.959.091	1.008.904.547
+ Đầu tư thiết bị nhà máy sợi	22.487.064.840	
+ Chi phí xây dựng tường rào May Duy Xuyên	409.518.604	-
+ Chi phí xây dựng nhà xưởng Sợi Thăng Bình	-	25.711.906.055
+ Các công trình khác	126.681.817	279.181.817
Cộng	23.755.315.260	33.472.034.902

9. Chi phí trả trước:

	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.513.453.592	8.152.043.881
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	28.480.316.691	23.144.890.937
c, Lợi thế thương mại	490.303.435	3.500.321.193
Cộng	38.484.073.718	34.797.256.011

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải trả người bán:

*** Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	01/01/2017
- Phải trả người bán ngắn hạn	206.006.533.361	221.080.883.475
- Phải trả người bán dài hạn	-	1.529.133.000
	206.006.533.361	222.610.016.475

*** Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	01/01/2017
HULTAFORS GROUP AB	21.335.354.164	9.406.862.612
MANHATTAN OUTDOOR WEAR FACTORY LTD	7.863.820.177	1.001.785.780
FUJIAN JING WEI NEW FIBER SCIENCE AND TECHNOLOGY CO, LTD	8.159.829.710	-
INDORAMA POLYESTER INDUSTRIES PCL	8.113.148.762	
THE KINGTEX-CORPORATION	5.891.134.550	2.466.047.907
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	9.230.356.984	
Các nhà cung cấp khác	145.412.889.014	209.735.320.176
	206.006.533.361	222.610.016.475

*** Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	01/01/2017
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.230.356.984	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2017	Số phát sinh	Số đã nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/12/2017
Thuế thu nhập DN	9.609.885	-	4.654.225			14.264.110
Thuế thu nhập cá nhân	39.656.930	(25.109.425)		-		14.547.505
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	27.500.761			27.500.761
Các loại thuế khác	8.883.942	(7.973.315)	-			910.627
Cộng	58.150.757	(33.082.740)	32.154.986	-		57.223.003

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2017	Số phát sinh	Số đã nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	31/12/2017
Thuế GTGT bán hàng nội địa	5.891.691.749	102.758.830.051	(56.181.743.290)	(45.910.470.546)	(224.328.864)	6.333.979.100
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		21.886.154.972	(21.886.154.972)			-
Thuế xuất nhập khẩu		2.021.033.700	(2.021.033.700)			-
Thuế thu nhập cá nhân	42.079.598	2.382.138.590	(2.378.776.688)			45.441.500
Thuế thu nhập DN	2.386.484.552	6.736.915.599	(6.011.264.658)			3.112.135.493
Các loại thuế khác		7.729.735.300	(7.729.735.300)			-
Cộng	8.320.255.899	143.514.808.212	(96.208.708.608)	(45.910.470.546)	(224.328.864)	9.491.556.093

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2017	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Số bù trừ với thuế GTGT phải nộp	khác	31/12/2017
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	56.183.100.183	171.785.546.956	(123.093.725.491)	(45.910.470.546)	(60.392.747)	58.904.058.355
Cộng	56.183.100.183	171.785.546.956	(123.093.725.491)	(45.910.470.546)	(60.392.747)	58.904.058.355

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí phải trả:

- Chi phí phải trả chi tiết theo kỳ hạn thanh toán:

	31/12/2017	01/01/2017
- Ngắn hạn	9.556.380.587	13.265.872.535
- Dài hạn	-	2.496.175.823
	9.556.380.587	15.762.048.358

- Chi phí phải trả chi tiết theo chi phí:

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in (VP)	5.338.608.999	9.917.846.225
Chi phí lãi vay	1.196.780.015	3.401.903.565
Chi phí thuê đất	-	
Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)	2.378.785.474	1.283.640.398
Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng (Đơn vị may)	376.218.776	584.964.258
Các chi phí khác	260.657.892	573.693.912
Cộng	9.551.051.156	15.762.048.358

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	11.272.798.938	8.727.975.108
Bảo hiểm xã hội	598.632.742	744.820.007
Bảo hiểm y tế	38.648.431	116.714.435
Bảo hiểm thất nghiệp	1.879.570	50.164.107
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	695.536.532	91.894.118
Lãi cổ tức phải trả	665.393.547	550.860.697
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.972.711.951	6.834.498.366
Cộng	20.245.601.711	17.116.926.838

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	31/12/2017	Phát sinh trong năm		01/01/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	104.565.268.742	725.540.666.903	734.179.382.067	113.203.983.906
+ Ngân hàng ĐT & PT Đà Nẵng	156.641.387.962	632.795.319.278	609.452.678.183	133.298.746.867
+ Ngân hàng Quốc tế	40.286.373.580	220.961.860.488	262.325.008.467	81.649.521.559
+ Ngân hàng CP Quân đội	-	1.839.057.304	21.696.495.670	19.857.438.366
+ Ngân hàng Indovina Đà Nẵng	25.674.654.486	218.246.289.408	223.064.622.346	30.492.987.424
+ Ngân hàng HSBC	-	12.613.466.157	12.613.466.157	-
+ Ngân hàng ANZ	-	14.732.329.478	32.519.398.330	17.787.068.852
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	76.041.333.812	606.704.026.467	663.697.008.969	133.034.316.314
+ Ngân hàng Kỹ Thương ĐN	130.115.305.065	557.313.958.740	451.741.577.912	24.542.924.237
+ Ban liên lạc lưu trí	150.000.000	-	7.360.000	157.360.000
+ Ngân hàng CP Quân đội Hiệp Đức	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư Hội An	5.518.267.055	29.502.882.151	29.192.000.473	5.207.385.377
Cộng	538.992.590.702	3.020.249.856.374	3.045.488.998.574	564.231.732.902

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b, Vay dài hạn:

	31/12/2017	Phát sinh trong năm		01/01/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	172.244.436.763	58.076.088.563	48.271.616.998	162.439.965.198
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế	16.167.770.491	14.977.127.618	3.744.325.387	4.934.968.260
+ Vay dài hạn NH Indovina	3.092.460.387	11.882.702	1.258.990.815	4.339.568.500
+ Vay dài hạn NH Ngoại Thương Đà Nẵng	35.616.917.252	136.837.600	14.493.199.833	49.973.279.485
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	7.487.937.995	34.342.337	5.053.925.710	12.507.521.368
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	212.992.246.794	6.637.374.772	927.030.424	207.281.902.446
+ Kuraray	13.649.400.000	49.900.000	4.639.700.000	18.239.200.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Quảng Nam	12.834.902.928	-	5.233.368.868	18.068.271.796
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Quảng Nam	334.831.054	-	342.500.000	677.331.054
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Hội An	-	-	252.205.098	252.205.098
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư - Hội An	1.900.000.000	3.000.000.000	1.100.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Quảng Nam(DX)	1.400.000.000	-	800.000.000	2.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội Quảng Nam(Hiệp đức)	-	-	14.898.902.669	14.898.902.669
Cộng	477.720.903.664	82.923.553.592	101.015.765.802	495.813.115.874

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	31/12/2017	Phát sinh trong năm		01/01/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	59.043.762.904	77.539.491.819	73.399.044.262	54.903.315.347
Cộng	59.043.762.904	77.539.491.819	73.399.044.262	54.903.315.347

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2016	157.500.000.000	62.951.415.897	70.764.097.441	39.347.362.722	330.562.876.060
- Tăng vốn trong năm	7.875.000.000			8.000.399.792	15.875.399.792
- Phân bổ vào các quỹ		11.209.059.692	(11.209.059.692)		-
- Lãi trong năm			75.969.372.121	(4.724.885.872)	71.244.486.249
- Cổ tức			(47.250.000.000)	(1.539.900.000)	(48.789.900.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi			(13.070.495.504)	(244.018.563)	(13.314.514.067)
- Tăng do mua công ty con trong kỳ				2.622.427.190	2.622.427.190
- Biến động khác			(2.789.079.144)	(155.689.113)	(2.944.768.257)
Số dư tại 31/12/2016	165.375.000.000	74.160.475.589	72.414.835.222	43.305.696.156	355.256.006.967
Số dư tại 01/01/2017	165.375.000.000	74.160.475.589	72.414.835.222	43.305.696.156	355.256.006.967
- Tăng vốn trong năm	59.625.000.000				59.625.000.000
- Phân bổ vào các quỹ		10.706.862.506	(10.706.862.506)		-
- Lãi trong năm			79.875.224.905	(449.215.113)	79.426.009.792
- Cổ tức			(41.343.750.000)	(1.357.200.000)	(42.700.950.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi			(15.745.910.443)	(145.069.982)	(15.890.980.425)
- biến động do thanh lý công ty con				1.924.431.511	1.924.431.511
Số dư tại 31/12/2017	225.000.000.000	84.867.338.095	84.493.537.178	43.278.642.572	437.639.517.845

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	146.156.210.000	107.424.820.000
Vốn góp của các đối tượng khác	78.843.790.000	57.950.180.000
Cộng	225.000.000.000	165.375.000.000

c, Cổ phiếu:

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2017	33.276.553.175
Trích lập trong năm từ lợi nhuận thuần	15.890.980.425
Tăng khác trong kỳ	418.419.115
Sử dụng trong kỳ	(3.732.734.699)
Số dư tại ngày 31/12/2017	45.853.218.016

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

- **Vật tư, hàng hóa nhận gia công giữ hộ:**

	31/12/2017	01/01/2017
Vật tư hàng hóa nhận gia công	107.961.364.079	139.477.888.472

Tất cả các loại vật tư nhận giữ hộ này đều đảm bảo cho sản xuất.

- **Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
USD	946.619,64	21.451.747.696	503.355,87	11.430.552.394
EUR	255,81	6.929.126	268,96	6.399.576

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
+ Doanh thu bán hàng	3.874.022.531.090	3.197.140.942.049
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.216.025.003	298.974.375
+ Doanh thu khác	1.928.592.304	1.144.142.522
Cộng	3.877.167.148.397	3.198.584.058.946

b, các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Giảm giá hàng bán	992.544.026	-
Hàng bán bị trả lại	625.001.364	591.036.676
Cộng	1.617.545.390	591.036.676

2. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay,	3.188.149.426	1.516.092.080
Chiết khấu thanh toán	377.260.555	229.798.948
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.536.931.174	19.160.496.879
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	789.302.870	
Lợi nhuận được chia	210.000.000	210.000.000
Doanh thu tài chính khác	1.527.531.298	-
Cộng	24.629.175.323	21.116.387.907

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Chi phí tài chính:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Chi phí lãi tiền vay	38.366.864.673	25.424.116.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	5.480.656.956	10.418.399.204
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.340.654	13.556.923.016
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(13.673.764.502)	(485.129.473)
Chi phí tài chính khác	3.873.011	
Cộng	30.195.970.792	48.914.309.370

4. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Chi phí nhân viên	7.943.480.922	6.474.753.826
Chi phí vật liệu, bao bì	1.095.490.660	3.330.946.470
Chi phí dụng cụ đồ dùng	6.113.138.877	4.882.968.033
Chi phí khấu hao TSCĐ	203.324.609	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.828.314.556	62.693.492.199
Chi phí bằng tiền khác	15.747.665.872	12.630.477.052
Cộng	116.931.415.496	90.012.637.580

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Chi phí nhân viên	75.801.095.705	63.699.656.094
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.809.848.308	5.789.315.718
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.506.549.860	6.885.979.382
Thuế, phí và lệ phí	3.387.947.141	3.274.793.570
Chi phí dự phòng	(164.104.208)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.797.507.250	17.808.991.601
Chi phí bằng tiền khác	27.990.422.198	22.045.710.384
Cộng	136.129.266.254	119.504.446.749

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 31/12/2017	đến 31/12/2016
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	584.207.181	-
Các khoản thu khác	2.369.304.878	2.676.777.879
Cộng	2.953.512.059	2.676.777.879

7. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 31/12/2017	đến 31/12/2016
Chi phí từ thanh lý TSCĐ	-	803.234.195
Các khoản chi khác	3.518.821.254	4.024.586.992
Cộng	3.518.821.254	4.827.821.187

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 31/12/2017	đến 31/12/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.059.668.902.815	1.504.139.991.627
Chi phí nhân công	988.421.808.478	733.492.138.586
Chi phí khấu hao TSCĐ	137.238.599.756	85.620.668.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	642.420.924.651	580.184.144.256
Cộng	3.827.750.235.700	2.903.436.942.622

9. Báo cáo bộ phận:

Một bộ phận là một phần không thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Tổng công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Tổng công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tổng công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Vương quốc Anh
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Các vùng địa lý khác

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng

	Trung Quốc		Hoa kỳ		Vương Quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016
Tổng doanh thu của bộ phận	1.214.802	1.036.739	665.870	453.717	108.186	230.751	391.058	337.635	314.667	213.644	336.525	264.383	846.059	661.715	3.877.167	3.198.584
Kết quả kinh doanh của bộ phận	47.541	38.384	95.165	74.127	6.419	14.852	37.439	31.612	22.394	16.922	74.997	91.198	61.295	48.656	345.250	315.751
Thu nhập không phân bổ															24.629	21.116
Chi phí không phân bổ															283.257	258.736
Kết quả từ hoạt động kinh doanh															86.622	78.132
Thu nhập khác															2.954	2.677
Chi phí khác															3.519	4.828
Thuế TNDN															6.631	4.737
Lợi nhuận thuần sau thuế															79.426	71.244

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

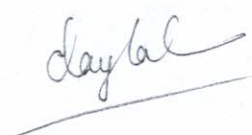
Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc		Hoa kỳ		Vương Quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	31/12/17	01/01/17	31/12/17	01/01/17	31/12/17	01/01/17	31/12/17	01/01/17	31/12/17	01/01/17	31/12/17	01/01/17	31/12/17	01/01/17	31/12/17	01/01/17
Tài sản của bộ phận	116.989	90.193	22.806	76.812	-	12.991	2.466	25.267	6.839	35.820	69.175	29.458	32.991	59.909	251.266	330.450
Giá trị còn lại của tài sản không phân bổ															1.710.681	1.586.996
Tổng tài sản															1.961.947	1.917.445
Nợ phải trả của bộ phận	19.594	23.019	2.735	-	-	-	187	-	2.427	1.700	-	3.202	131	27.418	25.577	
Các khoản nợ không phân bổ														1.496.890	1.536.613	
Tổng nợ phải trả														1.524.308	1.562.189	
	Trung Quốc		Hoa kỳ		Vương Quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016
Chi tiêu vốn															189.789	263.339
Khấu hao tài sản cố định hữu hình															136.012	106.043
Khấu hao tài sản cố định vô hình															1.227	1.236

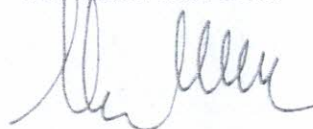
Đà Nẵng, ngày 26 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trí